

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUYÊN HÓA
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 13 - 02 - 2025

“V/v Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Khai và bà Trần Thị Phúc Tuệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ, Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 66/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lương Thị Kim A, sinh năm 1993;

Địa chỉ nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm 1986;

Địa chỉ nơi cư trú: Tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2024, bản tự khai ngày 06/11/2024 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị Kim A trình bày: Chị và anh Trần Văn L yêu nhau và đăng ký kết hôn tự nguyện tại UBND xã V, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/4/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh L tại tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Những năm đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi vã lẫn nhau, bất đồng quan điểm, nên cuộc sống không có hạnh phúc. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay, không

ai quan tâm đến ai. Hiện tại chị Lương Thị Kim A xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn L.

Về con chung: Theo chị A trình bày: Vợ chồng có hai con chung là Trần Phan Huyền T, sinh ngày 30/10/2013 và Trần Gia B, sinh ngày 17/9/2016, hiện đang sinh sống cùng chị tại xã V. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị A trình bày vợ chồng không có tài sản và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn L: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần cho anh L nhưng anh L đều vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A.

Ngày 26/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã trực tiếp đến tại Công an thị trấn Đ là địa phương nơi cư trú của anh L để xác minh nơi cư trú của anh Trần Văn L, đã xác định anh L đang có hộ khẩu cư trú tại tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, nhưng hiện nay anh L không có mặt tại địa phương, anh L đi làm ăn ở đâu địa phương không nắm rõ. Cùng ngày Tòa án đã đến nhà của bà Hồ Thị L1 (mẹ đẻ anh Trần Văn L), trú tại tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình, để xác minh thông tin của anh L thì bà Hồ Thị L1 cung cấp thông tin cho Tòa án biết: Vợ chồng anh L và chị A tìm hiểu và đến với nhau tự nguyện không bị ai ép buộc, anh L và chị A đi làm ăn ở M và tìm hiểu yêu nhau sau đó về gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, (quê của chị A), sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình nội được một thời gian ngắn thì vào M làm ăn, còn làm ăn ở tỉnh nào gia đình không biết, nhưng hằng năm vẫn có về thăm gia đình, theo bà L1 cho biết thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận, tuy nhiên vẫn có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung cho đến năm 2021 thì vợ chồng sống ly thân, hai bên bỏ mặc nhau, không còn quan tâm nhau, sau khi ly thân chị A về sống với bố mẹ đẻ tại xã V, huyện T được một thời gian thì chị A đi làm ăn, nhưng làm ở đâu gia đình cũng không biết, còn anh L đi làm ăn ở M, tuy nhiên địa chỉ cụ thể ở đâu gia đình không rõ. Việc chị A làm đơn ly hôn anh L gia đình không có ý kiến gì.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung hiện đang sống với chị A tại gia đình ngoại ở xã V, nếu chị A và anh L ly hôn việc Tòa án giao con cho ai thì tùy theo pháp luật, gia đình không có ý kiến gì.

Về tài sản và công nợ: Vợ chồng anh L, chị A không có tài sản và công nợ chung. Thời gian gần đây gia đình có nhận được giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án, gia đình đã thông báo cho anh L biết, nhưng vì điều kiện anh L đi làm ăn xa không về được, tuy nhiên qua điện thoại trao đổi với gia đình thì anh L đồng ý ly hôn với chị A; về con chung anh L có nguyện vọng nuôi con là cháu Trần Gia B, sinh năm 2016 không có yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Ngày 31/12/2024 Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên tại phiên tòa anh L vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy Hội đồng

xét xử phải ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày 13/02/2025 và tiếp tục tổng đạt hợp lệ cho anh Trần Văn L. Nhưng anh L vẫn vắng mặt không rõ lý do đến lần thứ hai.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuyên Hoá phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đến trước thời điểm nghị án đã tuân thủ đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thư ký phiên tòa đã làm đúng chức năng, nhiệm vụ của mình. Đối với những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án chị A có mặt, tại phiên tòa có mặt, hợp tác với Tòa án. Riêng đối với bị đơn, anh L vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa tiếp tục vắng mặt đến lần thứ hai. Không hợp tác với Tòa án.

- Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập được xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh L nảy sinh là do vợ chồng bất đồng nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung, hai bên không biết cách khắc phục mâu thuẫn mà sống ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay đã để tình trạng kéo dài kéo dài và ngày càng trầm trọng. Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị A được ly hôn vắng mặt anh L.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Phan Huyền T, sinh ngày 30/10/2013 và Trần Gia B, sinh ngày 17/9/2016, hiện các con đang sinh sống cùng chị A, để ổn định cuộc sống của các cháu và phù hợp với nguyện vọng của các cháu, căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử, giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; chăm sóc buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị A đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị A vợ chồng không có tài sản và công nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lương Thị Kim A khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Trần Văn L là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Trần Văn L có nơi cư trú tại tiểu khu A, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình nên Tòa án nhân dân huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn anh Trần Văn L đến Tòa án để giải quyết vụ

án, nhưng anh L đều vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của chị A. Tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Văn L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bị đơn không hợp tác với Tòa án. Như vậy, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được pháp luật quy định. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu ly hôn: Theo trình bày của nguyên đơn chị A và anh L kết hôn với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 28/4/2013, do đó hôn nhân giữa chị A và anh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra các cuộc cãi vã và làm cho mâu thuẫn ngày càng căng thẳng. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay, hai bên bỏ mặc không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bị đơn anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không rõ lý do, không có văn bản nêu ý kiến và nguyện vọng của mình để Tòa án xem xét, thể hiện thái độ không hợp tác với Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị A và anh L có 02 con chung là Trần Phan Huyền T, sinh ngày 30/10/2013 và Trần Gia B, sinh ngày 17/9/2016, hiện đang sinh sống cùng chị A tại xã V. Quá trình giải quyết vụ án, chị A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại hai con chung còn nhỏ, từ khi vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay các con đều do chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hiện tại các con chung của vợ chồng đều có nguyện vọng được ở cùng mẹ. Mặt khác anh Trần Văn L đang đi làm ăn xa, nên không thể trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo mọi quyền lợi của con và ổn định cuộc sống, học tập của các cháu, cần giao cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung là cháu là Trần Phan Huyền T, sinh ngày 30/10/2013 và Trần Gia B, sinh ngày 17/9/2016 buộc anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) là phù hợp với điều kiện thực tế của nguyên đơn, bị đơn, nguyện vọng của con và phù hợp với các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Sau này, vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị A trình bày vợ chồng không có tài sản và công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Trần Văn L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 và Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Cho chị Lương Thị Kim A được ly hôn vắng mặt anh Trần Văn L.
2. Về nuôi con chung: Xử giao hai con chung Trần Phan Huyền T, sinh ngày 30/10/2013 và Trần Gia B, sinh ngày 17/9/2016 cho chị Lương Thị Kim A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Trần Văn L có nghĩa vụ phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng) kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi cháu Trần Phan Huyền T và cháu Trần Gia B đủ 18 tuổi.

Anh Trần Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản. Sau này, vì quyền lợi của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Lương Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0000148 ngày 16/20/2024 (chị A đã nộp đủ án phí).

5. Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lương Thị Kim A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (13/02/2025), bị đơn anh Trần Văn L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tuyên Hóa;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Tuyên Hóa;
- UBND thị trấn Đồng Lê (Nơi ĐKKH để ghi vào sổ Hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đoàn Thị Bích Thủy

